

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố Quy Nhơn (đợt 2)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn tại Tờ trình số 197/TTr-UBND ngày 06/8/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điều 13, 14 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Danh sách đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ (có phụ lục số 1, 2 kèm theo)
2. Tổng kinh phí hỗ trợ 152.270.000 đồng (*Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. UBND thành phố Quy Nhơn chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ, danh sách và kinh phí đề nghị thực hiện chính sách hỗ trợ nêu tại Điều 1 Quyết định này; tổ chức chi trả kịp thời cho các đối tượng thụ hưởng và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Sở Tài chính đề xuất cấp bổ sung kinh phí cho thành phố Quy Nhơn để thực hiện chi trả cho các đối tượng nêu tại Điều 1 theo quy định.

3. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- Thường trực HĐND tỉnh (*báo cáo*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG**  
**DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUY NHƠN (đợt 2)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ thẻ căn cước công dân	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Nguyễn Thị Yến	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HDLĐ Xác định Thời hạn	01/07/2020	4520429552	01/07/2021	01/07/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Nguyễn Thị Yến - 4301205184356 - Agribank	215.577.755	Có con nhỏ
2	Đặng Thị Mỹ Lệ	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HDLĐ Xác định Thời hạn	01/04/2021	4812031980	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Đặng Thị Mỹ Lệ - 58110001411840 - BIDV	215.142.789	Có con nhỏ
3	Nguyễn Thị Bích Liễu	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HDLĐ Xác định Thời hạn	01/03/2021	5208003916	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Nguyễn Thị Liễu - 58010000509888 - BIDV	211.870.470	Có con nhỏ
4	Phan Thị Hoài Linh	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HDLĐ Xác định Thời hạn	01/09/2020	5220001250	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Phan Thị Hoài Linh - 1012697214 - Vietcombank	215.257.610	Có con nhỏ
5	Trần Thị Thanh Thùy	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HDLĐ Xác định Thời hạn	01/06/2020	5220058888	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Trần Thị Thanh Thùy - 0431000214037 - Vietcombank	215.355.678	Có con nhỏ
6	Huỳnh Thị Mỹ Trang	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HDLĐ Xác định Thời hạn	01/06/2020	5220135080	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Huỳnh Thị Mỹ Trang - 1013796458 - Vietcombank	215.447.323	
7	Võ Thị Cẩm Thúy	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HDLĐ Xác định Thời hạn	01/12/2020	5220196053	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Võ Thị Cẩm Thúy - 130968686789 - MB	215.446.830	
8	Giáp Thị Ánh	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HDLĐ Xác định Thời hạn	01/10/2020	5220602529	01/07/2021	01/07/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Giáp Thị Ánh - 4306205329495 - Agribank	052199008656	
9	Nguyễn Thị Yến Tinh	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HDLĐ Xác định Thời hạn	01/03/2020	5220805355	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Nguyễn Thị Yến Tinh - 58010000909938 - BIDV	215360371	Có con nhỏ

10	Nguyễn Ngọc Thảo	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HĐ LĐ Xác định Thời hạn	01/12/2020	5220854505	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Nguyễn Ngọc Thảo - 040054783312 - Sacombank	215.502.268	
11	Trương Đăng Mỹ Thơ	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HĐ LĐ Xác định Thời hạn	01/06/2020	5221097601	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Tên TK: Phạm Văn Cẩm - 4303205187601 - Agribank	215.049.420	
12	Dương Lý Thu Trâm	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HĐ LĐ Xác định Thời hạn	01/05/2021	5221332292	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Dương Lý Thu Trâm - 58010001369085 - BIDV	251.415.126	
13	Lê Thị Ngọc Huyền	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HĐ LĐ Xác định Thời hạn	01/01/2021	5221571242	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Lê Thị Ngọc Huyền - 040062712671 - Sacombank	215.410.504	
14	Phạm Thị Thu Hằng	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HĐ LĐ Xác định Thời hạn	01/06/2020	5221632338	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Phạm Thị Thu Hằng - 1013797314 - Vietcombank	215.410.923	
15	Trương Thị Túy Hồng	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HĐ LĐ Xác định Thời hạn	01/10/2020	5221742711	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Trương Thị Túy Hồng - 58010001149393 - BIDV	215.356.416	
16	Đào Thị Thanh Vy	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HĐ LĐ Xác định Thời hạn	01/06/2020	5221791084	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Đào Thị Thanh Vy - 58010000963059 - BIDV	215.407.961	
17	Lê Thị Ngọc Trinh	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HĐ LĐ Xác định Thời hạn	01/09/2020	5221983211	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Lê Thị Ngọc Trinh - 18428617 - ACB	215.303.656	
18	Trương Hồ Hồng Như	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ	HĐ LĐ Xác định Thời hạn	01/12/2020	5222003623	01/06/2021	01/06/2021 đến có CV hoạt động lại	3.710.000	Trương Hồ Hồng Như - 228704070005078 - HDBank	215.298.428	Có con nhỏ
19	Hoàng Nữ Ngọc Minh	Giám đốc điều hành	Không thời hạn	12/01/2008	3704003887	07/01/2021	01/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Hoàng Nữ Ngọc Minh 58010000855749, BIDV Bình Định	025708456	Trung Tâm Đào Tạo Ngoại Ngữ HACIC
20	Lê Trần Thanh Nhân	Kinh doanh	Có thời hạn 3 năm	12/01/2008	407002006	07/01/2021	01/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Trần Thanh Nhân, Số TK: 58010000898540, BIDV Bình Định	215646239	Trung Tâm Đào Tạo Ngoại Ngữ HACIC
21	Lê Thị Thu Phương	Kế toán	Có thời hạn 3 năm	04/01/2021	7916627595	07/01/2021	01/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Thị Thu Phương, Số TK: 240824889. ACB CN Văn Lang	215223393	Trung Tâm Đào Tạo Ngoại Ngữ HACIC
22	Lê Thị Kim Lưu	Kinh doanh	Có thời hạn 3 năm	12/01/2008	5209005503	07/01/2021	01/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Thị Kim Lưu, Số TK: 58010000855794. BIDV Bình Định	211897796	Trung Tâm Đào Tạo Ngoại Ngữ HACIC
23	Nguyễn Thị Tiền Giang	Hành chính	Có thời hạn 3 năm	12/01/2020	5220010601	07/01/2021	01/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Tiền Giang, Số TK: 0431000145024, Vietcombank	215195109	Trung Tâm Đào Tạo Ngoại Ngữ HACIC

24	Nguyễn Thị Phương Lan	Đào tạo	Có thời hạn 3 năm	06/01/2011	5211005140	07/01/2021	01/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Phương Lan, Số TK: 58010000855721. BIDV Bình Định	215018048	Trung Tâm Đào Tạo Ngoại Ngữ HACIC
25	Hồ Thị Diệu	Trường MN Ban Mai	1 năm	09/01/2020	5216000247	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Hồ Thị Diệu; STK: 105871055793;Vietinbank	215164637	có con nhỏ
26	Hồ Thị Hiền	Trường MN Ban Mai	1 năm	09/01/2020	5221068392	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Hồ Thị Hiền; STK: 105871055715;Vietinbank	215321890	
27	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trường MN Ban Mai	1 năm	09/01/2020	5220292038	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Hà; STK: 10787105561;Vietinbank	215402769	
28	Võ Thị Mỹ Liên	Trường MN Ban Mai	1 năm	09/01/2020	5216000246	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Võ Thị Mỹ Liên; STK: 100871055692;Vietinbank	215225791	
29	Đoàn Thị Phương Quỳnh	Trường MN Ban Mai	1 năm	11/01/2020	5220081852	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Đoàn Thị Phương Quỳnh; STK: 100872532342;Vietinbank	215479325	
30	Huỳnh Thị Sáu	Trường MN Ban Mai	1 năm	11/01/2020	5220718853	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Sáu; STK: 109872532451;Vietinbank	215442610	
31	Nguyễn Thị Mai	Trường MN Ban Mai	1 năm	09/01/2020	5211000585	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mai; STK: 102871055472;Vietinbank	211893028	
32	Nguyễn Thị Phương Thảo	Trường MN Ban Mai	1 năm	09/01/2020	5211005218	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Phương Thảo; STK: 108871051852;Vietinbank	215033430	có con nhỏ
33	Nguyễn Thị Minh Thư	Trường MN Ban Mai	1 năm	09/01/2020	5212008004	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Minh Thư; STK: 106871055492;Vietinbank	215276358	có con nhỏ
34	Trần Mỹ Tiên	Trường MN Ban Mai	1 năm	09/01/2020	5220034459	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Mỹ Tiên; STK: 101871055594;Vietinbank	215407181	
35	Nguyễn Thị Như Trà	Trường MN Ban Mai	1 năm	04/01/2021	5214009020	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Như Trà; STK: 104006165797;Vietinbank	215197234	
36	Nguyễn Thị Thu Giang	Trường MN Ban Mai	1 năm	09/01/2020	5209006967	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu Giang; STK: 103871055731;Vietinbank	211656985	
37	Nguyễn Thị Mỹ Loan	Trường MN Ban Mai	1 năm	12/01/2020	5221659082	06/01/2021	01/6/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Loan; STK: 105872532128;Vietinbank	215195117	có con nhỏ
<b>37</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>137.270.000</b>			

## PHỤ LỤC 2

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG  
VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM DO ĐẠI DỊCH COVID-19 (đợt 2)**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Số TT	Họ và tên	Thứ tự tại phụ lục 1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số tiền hỗ trợ	Số CMT/ thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở 2	Số CNT/thẻ căn cước công dân				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đặng Thị Mỹ Lệ	2	Trần Ngọc Thùy Tiên	20/04/2019	Trần Thanh Sang	215327798	Đặng Thị Mỹ Lệ - 58110001411840 - BIDV	1.000.000	215327798	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ
2	Trương Hồ Hồng Như	18	Nguyễn Trương Gia An	23/10/2016	Nguyễn Thái Hưng	215.054.026	Trương Hồ Hồng Như - 228704070005078 - HDBank	1.000.000	215.054.026	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ
3	Trần Thị Thanh Thùy	5	Nguyễn Trần Minh Tuấn	18/02/2019	Nguyễn Trung Trí	215328781	Trần Thị Thanh Thùy - 0431000214037 - Vietcombank	1.000.000	215328781	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ
4	Nguyễn Thị Bích Liễu	3	Nguyễn Ngọc Trang My	23/05/2018	Nguyễn Thế Vinh	211.797.574	Nguyễn Thị Liễu - 58010000509888 - BIDV	1.000.000	211.797.574	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ
5	Phan Thị Hoài Linh	4	Nguyễn Vân Giang	04/07/2018	Nguyễn Hữu Trọng	215.075.284	Phan Thị Hoài Linh - 1012697214 - Vietcombank	1.000.000	215.075.284	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ
6	Phan Thị Hoài Linh	4	Nguyễn Khánh Chi	14/10/2019	Nguyễn Hữu Trọng	215.075.284	Phan Thị Hoài Linh - 1012697214 - Vietcombank	1.000.000	215.075.284	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ
7	Nguyễn Thị Yến	1	Phùng Đình Duy Đăng	24/07/2017	Phùng Chương Hiếu	197.273.762	Nguyễn Thị Yến - 4301205184356 - Agribank	1.000.000	197.273.762	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ
8	Nguyễn Thị Yến Tình	9	Nguyễn Hàn Khánh Huyền	02/11/2020	Nguyễn Hàn Vinh	052084000182	Nguyễn Thị Yến Tình - 58010000909938 - BIDV	1.000.000	052084000182	Trường MN Thế Giới Trẻ Thơ
9	Lê Trần Thanh Nhân	20	Ngô Minh Khánh	23/07/2016	Ngô Minh Khoa	211818385	Lê Trần Thanh Nhân - 58010000898540 - BIDV Bình Định	1.000.000	215.646.239	Trung Tâm Đào Tạo Ngoại Ngữ HACIC

10	Nguyễn Thị Tiền Giang	23	Phạm Thị Như Ngọc	23/04/2016	Phạm Trần Tình	211845637	Nguyễn Thị Tiền Giang - 0431000145024 - Vietcombank	1.000.000	215.195.109	Trung Tâm Đào Tạo Ngoại Ngữ HACIC
11	Hồ Thị Diệu	25	Võ Quỳnh Trâm	14/01/2019	Võ Minh Thuận	215022596	Hồ Thị Diệu; STK: 105871055793;Vietinbank	1.000.000	215164637	Trường MN Ban Mai
12	Nguyễn Thị Phương Thảo	32	Nguyễn Ngọc Khả Hân	21/07/2017	Nguyễn Quốc Đại	211761526	Nguyễn Thị Phương Thảo; STK: 108871051852;Vietinbank	1.000.000	215033430	Trường MN Ban Mai
13	Nguyễn Thị Minh Thư	33	Nguyễn Minh Khôi	02/03/2017	Nguyễn Minh Thịnh	215264064	Nguyễn Thị Minh Thư; STK: 106871055492;Vietinbank	1.000.000	215276358	Trường MN Ban Mai
14	Nguyễn Thị Minh Thư	33	Nguyễn Duy Khôi	23/09/2020	Nguyễn Minh Thịnh	215264064	Nguyễn Thị Minh Thư; STK: 106871055492;Vietinbank	1.000.000	215276358	Trường MN Ban Mai
15	Nguyễn Thị Mỹ Loan	37	Phan An Nhiên	14/12/2016	Phan Quang Đam	215175389	Nguyễn Thị Mỹ Loan; STK: 105872532128;Vietinbank	1.000.000	215195117	Trường MN Ban Mai
<b>15</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>15.000.000</b>		